

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T1  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 11/8/2021  
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa  
anh L1 và chị S1)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ngọc Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Hiếu.
2. Ông Nguyễn Đức Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:**

Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/TB-TLVA ngày 18 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Phạm Thị S1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn TL, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn L1 trình bày:*

Anh và chị Phạm Thị S1, sinh năm 1993, có địa chỉ tại thôn TL, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 25/4/2011 được Ủy ban nhân dân xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019. Nay xác định tình cảm không còn, không thể quay về chung sống và đoàn tụ được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị S1.

Về quan hệ con chung, anh và chị S1 có 02 con chung là Nguyễn Thị YN, sinh ngày 21/3/2011 và Nguyễn Thị BN, sinh ngày 09/12/2013, hiện nay cả hai con đang ở với chị S1, vì hai con còn nhỏ, ly hôn anh đồng ý để chị S1 nuôi cả hai con, anh L1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con 01 triệu đồng/01 tháng, tổng cấp dưỡng cả hai con là 02 triệu đồng/01 tháng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho chị Phạm Thị S1 thông báo thụ lý, thông báo đến phiên công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên chị S1 không đến Tòa án.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/5/2021, tại gia đình chị Phạm Thị S1, sinh năm 1993, địa chỉ tại thôn TL, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Chị S1 cho biết:*

Chị và anh Nguyễn Văn L1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 25/4/2011 được Ủy ban nhân dân xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L1 không có tình cảm với chị, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh Chị đã sống ly thân từ năm 2018. Nay anh L1 có đơn xin ly hôn chị quan điểm của chị là không đồng ý ly hôn.

Về con chung, chị và anh L1 có 02 con chung là Nguyễn Thị YN, sinh ngày 21/3/2011 và Nguyễn Thị BN, sinh ngày 09/12/2013, hiện nay cả hai con đang ở với chị S1. Nguyên vọng của chị là được nuôi cả hai con chung vì theo chị hai con đều do chị nuôi dưỡng từ trước đến nay và hai con đều là con gái nên chị không muốn tách các con ra. Chị có yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi mỗi con 01 triệu đồng/01 tháng, tổng cấp dưỡng cả hai con là 02 triệu đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, theo chị S1, chị và anh L1 không có tài sản chung và nợ chung.

Theo chị S1, vì chị theo đạo nên không đồng ý ly hôn và không đến Tòa án.

Biên bản có chữ ký của chị S1; ông Bùi Xuân Ch, cán bộ tư pháp và chữ ký xác nhận của ông Trần Văn L, Phó Chủ tịch UBND xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Ngày 28/7/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị S1 và anh L1. Anh L1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, chị S1 vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 11/8/2021.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh Nguyễn Văn L1 được ly hôn chị Phạm Thị S1. Về con chung, giao cho chị S1 được quyền nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị YN, sinh ngày 21/3/2011 và Nguyễn Thị BN, sinh ngày 09/12/2013; anh L1 phải cấp dưỡng nuôi mỗi con 01 triệu đồng/01 tháng, tổng cấp dưỡng cả hai con là 02 triệu đồng/01 tháng từ tháng 9/2021 đến khi hai con đủ 18 tuổi. Anh L1 có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, việc thay đổi

người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu. Về tài sản chung, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn L1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Phạm Thị S1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị S1 và anh L1.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Anh Nguyễn Văn L1 và chị Phạm Thị S1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của anh L1 cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018.

[2.2] Anh L1 có đơn xin ly hôn chị S1, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, chị S1 không đến Tòa án. Ngày 06/5/2021, tại nhà chị Phạm Thị S1, Tòa án đã lập biên bản lấy lời khai của đương sự với chị S1, chị S1 xác định vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do anh L1 không có tình cảm với chị, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Tuy nhiên, chị S1 không đồng ý ly hôn vì chị là người theo đạo công giáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy bản thân anh L1, chị S1 đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân. Như vậy có thể thấy tình cảm vợ chồng của anh L1 và chị S1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh Nguyễn Văn L1 được ly hôn chị Phạm Thị S1.

[3] Về con chung: Anh L1 và chị S1 có 02 con chung là Nguyễn Thị YN, sinh ngày 21/3/2011 và Nguyễn Thị BN, sinh ngày 09/12/2013. Hiện nay hai con chung đang ở với chị S1, anh L1 đồng ý để chị S1 nuôi dưỡng cả hai con chung, chị S1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung (hai con chung có nguyện vọng được ở với mẹ) nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị S1 được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh L1 phải cấp dưỡng nuôi mỗi con 01 triệu đồng/01 tháng, tổng cấp dưỡng cả hai con là 02 triệu đồng/01 tháng từ tháng 9/2021 đến khi hai con đủ 18 tuổi. Anh L1 có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn L1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

#### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Xử cho anh Nguyễn Văn L1 được ly hôn chị Phạm Thị S1.

#### **2. Về con chung:**

Giao cho chị Phạm Thị S1 được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị YN, sinh ngày 21/3/2011 và Nguyễn Thị BN, sinh ngày 09/12/2013. Anh L1 phải cấp dưỡng nuôi mỗi con 01 triệu đồng/01 tháng, tổng cấp dưỡng cả hai con là 02 triệu đồng/01 tháng, kể từ tháng 9/2021 đến khi hai con đủ 18 tuổi. Anh L1 có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

#### **3. Về tài sản chung và nợ chung:**

Không đặt ra giải quyết.

#### **4. Về án phí:**

Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn L1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh L1 đã nộp theo Biên lai số 0002103 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình. Anh Nguyễn Văn L1 còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí.

#### **5. Quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã NT, huyện T1;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đồng Ngọc Huyền**

